

Chi tiết mã HS 2530.20.20

Mã HS	2530.20.20
Mô tả hàng hóa	Các chất khoáng chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Kiezerit, epsomit (magiê sulphat tự nhiên): / - - Epsomite (magiê sulphat tự nhiên)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	31/10/2026 03:41:17
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/25302020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3141
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3141
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q3141
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3141
Thuế XK ưu đãi CPTPP	10	10%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM3141
Thuế XK ưu đãi EVFTA	10	10%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP3141
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	10	10%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS3141

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3139
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3100
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3100
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3100
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3100
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3100
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3100
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3138
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3138

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3138
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3138
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3138
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3138
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3142
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3142
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3142
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3142
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3142
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3142
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3142
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3106
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3102
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3102
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3102
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3102
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3102
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3102
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3102
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3102
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3102
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3102
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3102
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3102
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3149
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3149

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3149
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3149
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3149
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3149
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3146
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3146
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3146
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3146
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3146
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3146
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3154
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3154
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3154
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3154
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3154
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3154
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3125
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3125
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3125
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3125
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3125
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3125
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3127
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3127
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3127
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3127

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3127
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3127
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3123
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3123
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3123
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3123
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3123
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3123
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3123
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3146
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3146
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3146
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3146
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3146
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3146
RCEP B	2022	2022	0	B!D3146
RCEP B	2023	2023	0	B!E3146
RCEP B	2024	2024	0	B!F3146
RCEP B	2025	2025	0	B!G3146
RCEP B	2026	2026	0	B!H3146
RCEP B	2027	2027	0	B!I3146
RCEP C	2022	2022	0	C!D3146
RCEP C	2023	2023	0	C!E3146
RCEP C	2024	2024	0	C!F3146
RCEP C	2025	2025	0	C!G3146
RCEP C	2026	2026	0	C!H3146

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3146
RCEP D	2022	2022	0	D!D3146
RCEP D	2023	2023	0	D!E3146
RCEP D	2024	2024	0	D!F3146
RCEP D	2025	2025	0	D!G3146
RCEP D	2026	2026	0	D!H3146
RCEP D	2027	2027	0	D!I3146
RCEP E	2022	2022	0	E!D3149
RCEP E	2023	2023	0	E!E3149
RCEP E	2024	2024	0	E!F3149
RCEP E	2025	2025	0	E!G3149
RCEP E	2026	2026	0	E!H3149
RCEP E	2027	2027	0	E!I3149
RCEP F	2022	2022	0	F!D3146
RCEP F	2023	2023	0	F!E3146
RCEP F	2024	2024	0	F!F3146
RCEP F	2025	2025	0	F!G3146
RCEP F	2026	2026	0	F!H3146
RCEP F	2027	2027	0	F!I3146
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F2916
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G2916
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H2916
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I2916

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

